TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH MIỆN** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 27/6/2024
"Về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH MIỆN - HẢI DƯƠNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Đào Quang Khuyến.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Tuấn, bà Nguyễn Thị Hoài.

- *Thư ký phiên toà*: Ông Bùi Hoàng Anh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thanh Miện.

- *Đại diện VKSND huyện Thanh Miện tham gia phiên toà*: Bà Nguyễn Thị D - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2024, tại Trụ sở Toà án, Toà án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 61/2024/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2024 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị **Đỗ Thị H** - sinh năm 1986

Nơi cư trú: Số nhà D đường T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Hải Dương.

Chỗ ở hiện nay: Số nhà A đường T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Hải Dương.

- *Bị đơn*: Anh **Phạm Ngọc A** - sinh năm 1986

Nơi cư trú: Số nhà D đường T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Hải Dương.

Tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, quá trình khai tại Toà án và các tài liệu khác có tại hồ sơ, nguyên đơn chị Đỗ Thị H trình bày: Chị và anh Phạm Ngọc A, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh Hải Dương ngày 01/9/2008. Cuộc sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2010 thì bắt đầu mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, quan niệm sống và cách nhìn nhận cuộc sống không phù hợp. Chị và anh Ngọc A đã cố gắng để tìm tiếng nói chung, hai bên gia đình đã khuyên giải nhưng không có kết qủa. Tháng 8/2023 vợ chồng chị về nhà đẻ chị ở được 01 tháng thì vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng, anh Ngọc A đã bỏ về ở cùng với bố mẹ anh. Trong thời gian sống ly thân vợ chồng không có biện pháp nào để hàn gắn khắc phục mâu thuẫn, vợ chồng sống ly thân từ tháng 12/2023 đến nay không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay chị xác định tình cảm giữa chị và anh Ngọc A không còn, không thể hàn gắn được, mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị khởi kiện xin ly hôn anh Ngọc A để hai bên ổn định cuộc sống riêng.

Chị và anh Phạm Ngọc A có 03 con chung là cháu Phạm Ánh H1, sinh ngày 06/6/2009, cháu Phạm Ngọc K, sinh ngày 24/8/2011 và cháu Phạm Trà M, sinh ngày 31/7/2018. Ly hôn chị đề nghị Toà án giao cho chị tiếp tục nuôi dưỡng cháu Ngọc K và cháu Trà M, giao cho anh Ngọc A trực tiếp nuôi dưỡng cháu H1, chị tự nguyện không yêu cầu anh Ngọc A cấp dưỡng tiền nuôi con chung đến khi các con trưởng thành. Chị đang làm tại Ngân hàng A1, thu nhập lương chính 8.300.000 đồng/tháng, tiền thưởng và làm thêm 25.000.000đ/tháng, tổng thu nhập một tháng 33.300.000/tháng, đảm bảo điều kiện kinh tế để nuôi hai con. Chị đang ở cùng với mẹ, nhà đất rộng rãi, nhiều phòng, điều kiện về chỗ ở đảm bảo, mẹ chị vẫn khỏe mạnh, sẵn sàng hỗ trợ chị nuôi con. Điều kiện chỗ ăn ở và thu nhập của anh Ngọc A cũng đảm bảo, đủ điều kiện để nuôi một con. Cháu H1 có nguyện vọng ở với bố, cháu K có nguyện vọng ở với mẹ nên chị đề nghị Tòa án giao cho chị tiếp tục nuôi dưỡng cháu K và cháu Trà M, giao cho anh Ngọc A nuôi dưỡng cháu H1, hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Chị không yêu cầu Toà án giải quyết quan hệ tài sản chung và nợ chung, công sức.

Quá trình làm việc với Toà án, quá trình khai tại Toà án và các tài liệu khác có tại hồ sơ, bị đơn anh Phạm Ngọc A trình bày: Anh xác định về điều kiện, thời gian kết hôn thống nhất như phần trình bày của chị H. Quá trình chung sống, vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống và cách sống, không có tiếng nói chung dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Năm 2009 vợ chồng chuyển lên thành phố H ở để tiện cho việc công tác, đến giữa năm 2010 thì vợ chồng chuyển về T. Tháng 8/2023 vợ chồng về nhà đẻ của chị H ở, khi ở được 01 tháng thì vợ chồng mâu thuẫn, anh Ngọc A không ở cùng chị H nữa và đã về chung sống cùng với bố mẹ anh. Trong thời gian sống ly thân vợ chồng không có biện pháp nào để hàn gắn mối quan hệ vợ chồng, vợ chồng chính thức ly thân từ tháng 12/2023 đến nay không quan tâm đến nhau. Anh xác định tình cảm giữa anh và chị H không còn, không thể hàn gắn được, chị H xin ly hôn, anh nhất trí ly hôn.

Anh và chị Đỗ Thị H có 03 con chung là cháu Phạm Ánh H1, sinh ngày 06/6/2009, cháu Phạm Ngọc K, sinh ngày 24/8/2011 và cháu Phạm Trà M, sinh ngày 31/7/2018, các cháu hiện đang ở với mẹ. Ly hôn anh đề nghị Tòa án giao cho anh nuôi dưỡng cháu H1, giao cho chị H nuôi dưỡng cháu K và cháu Trà M, chị H không yêu cầu anh cấp dưỡng tiền nuôi con chung, anh đồng ý nhưng anh vẫn có trách nhiệm với các con. Anh đang là lao động tự do, thu nhập bình quan 15 triệu đồng/tháng, anh đủ điều kiện nuôi dưỡng cháu H1 đến khi trưởng thành, bố mẹ anh vẫn khỏe mạnh, sẵn sàng hỗ trợ cho anh việc nuôi dưỡng con. Anh không yêu cầu Toà án giải quyết quan hệ tài sản chung và nợ chung, công sức.

Lời khai của bà Phạm Thị H2 xác định: Bà là mẹ đẻ của chị Đỗ Thị H và là bà ngoại của cháu Phạm Ánh H1, cháu Phạm Ngọc K và cháu Phạm Trà M. Quá trình chung sống, anh Ngọc A và chị H đã phát sinh mâu thuẫn. Anh Ngọc A và chị H sống ly thân từ tháng 12/2023 không còn quan tâm đến nhau. Nay chị H xin ly hôn anh Ngọc A, bà đề nghị Toà án giải quyết theo nguyện vọng của chị H. Anh Ngọc A và chị H có 03 con chung. Về con chung bà đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của chị H, anh Ngọc A, chị H có nguyện vọng nuôi 02 con, anh Ngọc

A nuôi dưỡng 01 con, bà sẵn sàng hỗ trợ về chỗ ăn ở và chăm sóc các con chị H. Quá trình chung sống vợ chồng anh Ngọc A và chị H không có công sức đóng góp gì với bà.

Lời khai của ông Phạm Ngọc Đ xác định: Ông là bố đẻ của anh Phạm Ngọc A, là ông nội của cháu Phạm Ánh H1, cháu Phạm Ngọc K và cháu Phạm Trà M. Trong thời gian chung sống anh Ngọc A và chị H đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, vợ chồng chính thức sống ly thân từ tháng 12/2023 đến nay không còn quan tâm đến nhau. Việc chị H xin ly hôn anh Ngọc A là do anh chị tự quyết định. Anh Ngọc A và chị H có 03 con chung, các cháu hiện đang ở với mẹ. Ông đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của anh Ngọc A và chị H. Ông bà vẫn khỏe mạnh, nhà đất rộng rãi, ông bà sẽ tạo điều kiện tốt nhất cho anh Ngọc Anh n con. Quá trình chung sống vợ chồng anh Ngọc A và chị H không có công sức đóng góp gì với ông bà.

Kết quả làm việc, xác minh tại chính quyền địa phương và các đoàn thể thị trấn T xác định: Anh Ngọc A và chị Đỗ Thị H có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn T, huyện T, tỉnh Hải Dương ngày 01/9/2008. Trong thời gian chung sống, chị H, anh Ngọc A có xảy ra mâu thuẫn. Việc mâu thuẫn cụ thể như thế nào, địa phương không nắm được. Khi mâu thuẫn chị H và anh Ngọc A không mời địa phương và các đoàn thể hòa giải. Nay chị H xin ly hôn anh Ngọc A, đề nghị Toà án tiếp tục hòa giải, nếu anh chị không thể về chung sống với nhau thì Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai của cháu Phạm Ánh H1 và cháu Phạm Ngọc K trình bày: Cháu H1 có nguyện vọng ở với bố, cháu K có nguyện vọng ở cùng với mẹ khi bố mẹ ly hôn.

Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương phát biểu ý kiến: Về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về việc thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ và cấp, tống đạt, thông báo các văn bản tố tụng; Hội đồng xét xử tuân theo đúng quy định của pháp luật về xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử, áp dụng Điều 51, 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đỗ Thị H được ly hôn anh Phạm Ngọc A.

Về con chung: Xử giao cho anh Phạm Ngọc A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung Phạm Ánh H1, sinh ngày 06/6/2009; giao cho chị H trực tiếp, nuôi dưỡng, chăm sóc con chung Phạm Ngọc K, sinh ngày 24/8/2011; Phạm Trà M, sinh ngày 31/7/2018 đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh Ngọc A phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Hai bên có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản, nợ chung, công sức: Không phải giải quyết.

Về án phí: Chị Đỗ Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Chị Đỗ Thị H là nguyên đơn có đơn khởi kiện xin ly hôn anh Phạm Ngọc A là bị đơn; Nơi cư trú: Số nhà D đường T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Hải Dương; Quan hệ pháp luật là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương. Chị Đỗ Thị H nộp đơn khởi kiện, Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng trình tự tố tụng dân sự. Khi xét xử chị H, anh Ngọc A đều có đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Đỗ Thị H và anh Phạm Ngọc A kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn T, huyện T, tỉnh Hải Dương ngày 01/9/2008. Cả hai bên đều đã đủ tuổi, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ khi đăng ký kết hôn. Đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2010 thì mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, quan niệm sống và cách nhìn nhận cuộc sống không phù hợp, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, vợ chồng sống ly thân từ tháng 12/2023 không còn quan tâm đến nhau. Chị H, anh Ngọc A đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được, chị H xin ly hôn anh Ngọc A đồng ý ly hôn nhưng khi hòa giải và khi xét xử anh Ngọc A xin vắng mặt. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa chị Đỗ Thị H và anh Phạm Ngọc A đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận nguyện vọng xin ly hôn của chị H. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị H xử cho chị Đỗ Thị H được ly hôn anh Phạm Ngọc A là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: Chị Đỗ Thị H và anh Phạm Ngọc A có 03 con chung là cháu Phạm Ánh H1, sinh ngày 06/6/2009, cháu Phạm Ngọc K, sinh ngày 24/8/2011 và cháu Phạm Trà M, sinh ngày 31/7/2018, hiện đang ở với chị H. Xét về nguyện vọng của cháu H1 có nguyện vọng ở với bố, cháu K có nguyện vọng ở với mẹ, chị H, anh Ngọc A đồng ý theo nguyện vọng của các con. Ly hôn chị H đề nghị Tòa án giao cho chị nuôi dưỡng cháu K và cháu M, chị đủ điều kiện trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng các con đến khi trưởng thành, chị tự nguyện không yêu cầu anh Ngọc A cấp dưỡng tiền nuôi con cùng chị. Anh Ngọc A đề nghị Tòa án giao cho anh nuôi dưỡng cháu H1, chị H tự nguyện không yêu cầu anh cấp dưỡng tiền nuôi con chung, anh đồng ý nhưng anh vẫn có trách nhiệm với các con. Xét nguyện vọng của chị H,

anh Ngọc A thấy rằng: Chị H đang làm việc tại Ngân hàng A1, thu nhập bình quân khoảng 33.300.000/tháng, mẹ chị cam kết hỗ trợ chị trong việc chăm sóc con, về nhà đất cũng đảm bảo điều kiện cho mẹ con chị. Đối với anh Ngọc A là lao động tự do, thu nhập bình quân 15 triệu đồng/tháng, bố mẹ anh cam kết hỗ trợ anh việc chăm sóc con khi anh đi làm, về nơi ăn ở anh đủ điều kiện đảm bảo cuộc sống tốt để nuôi con đến khi trưởng thành. Chị H, anh Ngọc A đều có chỗ ở ổn định, có đủ điều kiện để nuôi con. Vì vậy, Hội đồng xét xử giao cháu Phạm Ngọc K và cháu Phạm Trà M cho chị H tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao cháu Phạm Ánh H1 cho anh Ngọc A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau và vẫn có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở là phù hợp với quy định tại Điều 81,82,83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] *Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp*: Chị Đỗ Thị H và anh Phạm Ngọc A, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí*: Chị Đỗ Thị H khởi kiện vụ án Hôn nhân và gia đình nên phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, Điều 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đỗ Thị H được ly hôn anh Phạm Ngọc A.

2- Về con chung: Xử giao cháu Phạm Ánh H1, sinh ngày 06/6/2009 cho anh Phạm Ngọc A trực tiếp, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Giao cháu Phạm Ngọc K, sinh ngày 24/8/2011 và cháu Phạm Trà M, sinh ngày 31/7/2018 cho chị Đỗ Thị H tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H về việc không yêu cầu anh Phạm Ngọc A cấp dưỡng nuôi con chung. Chị H, anh Ngọc A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3- Về tài sản chung, vay nợ, công sức đóng góp: Không xem xét giải quyết.

4- *Về án phí*: Chị Đỗ Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng, chị đã nộp theo biên lai số: 0001646 ngày 05 tháng 4 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương, chị H đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí ly hôn sơ thẩm.

5- *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt, được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Thanh Miện;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Thanh Miện;
- UBND thị trấn Thanh Miện, huyện Thanh Miện;
(để ghi vào sổ hộ tịch).
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đào Quang Khuyến